

Số: 389 /QĐ-ĐHKQTĐ

Hà Nội, ngày 08 tháng 3 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của trường Đại học Kinh tế Quốc dân

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

Căn cứ Điều lệ Trường Đại học ban hành theo Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 368/QĐ-TTg ngày 17/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân giai đoạn 2015-2017;

Căn cứ Nghị quyết số 117/NQ-CP ngày 09/11/2017 của Chính phủ phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 10 năm 2017;

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 về ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

Căn cứ Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ theo Quyết định số 1212/QĐ-ĐHKQTĐ ngày 12/12/2012 của Hiệu trưởng;

Căn cứ Kế hoạch số 592/KH-ĐHKQTĐ ngày 08/5/2018 của Hiệu trưởng về việc Tổng kết việc áp dụng quy định và rà soát, sửa đổi, hoàn thiện Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 1212/QĐ-ĐHKQTĐ ngày 12/12/2012 của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân;

Xét đề nghị của Trường phòng Quản lý Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân;

Điều 2. Quy định này áp dụng cho các khóa học tuyển sinh từ năm 2019 thay thế Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 1212/QĐ-ĐHKQTĐ ngày 12/12/2012 của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

Điều 3. Trường phòng Quản lý Đào tạo, sinh viên đại học hệ chính quy và các đơn vị, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Công thông tin điện tử (để t/b);
- Lưu P.TH, P.QLĐT.



HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. Trần Thọ Đạt

QUY ĐỊNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY THEO HỆ THỐNG TÍN CHỈ TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 389/QĐ - ĐHKQTĐ,
ngày 08/ 3/2019 của Hiệu trưởng)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Văn bản này quy định về tổ chức đào tạo; kiểm tra và thi học phần; xét và công nhận tốt nghiệp đối với sinh viên đại học hệ chính quy, đào tạo theo hình thức tích lũy tín chỉ tại Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

Điều 2. Chương trình đào tạo

1. Chương trình đào tạo (sau đây gọi tắt là chương trình) là hệ thống kiến thức lý thuyết và thực hành được thiết kế đồng bộ với phương pháp giảng dạy, học tập và đánh giá kết quả học tập để đảm bảo người học tích lũy được kiến thức và đạt được năng lực cần thiết đối với trình độ bậc đại học hệ chính quy.

2. Mỗi chương trình gắn với một ngành (đơn ngành) hoặc với một vài ngành (song ngành, ngành chính - ngành phụ, 2 văn bằng) và được cấu trúc từ các học phần thuộc hai khối kiến thức: giáo dục đại cương và giáo dục chuyên nghiệp.

3. Đề cương chi tiết của từng học phần phải thể hiện rõ số lượng tín chỉ, điều kiện tiên quyết (nếu có), nội dung lý thuyết và thực hành, cách thức đánh giá học phần, giáo trình, tài liệu tham khảo và điều kiện thí nghiệm, thực hành, thực tập phục vụ học phần.

4. Chương trình đào tạo (đơn ngành) bậc đại học hệ chính quy của Trường có khối lượng tối thiểu 120 tín chỉ.

Điều 3. Học phần và tín chỉ

1. Học phần là khối lượng kiến thức tương đối trọn vẹn, thuận tiện cho người học tích lũy trong quá trình học tập. Mỗi học phần có khối lượng 3 tín chỉ và được bố trí giảng dạy trọn vẹn và phân bố đều trong một học kỳ. Một số học phần đặc thù có thể nhiều hoặc ít hơn 3 tín chỉ. Kiến thức trong mỗi học phần phải gắn với một mức trình độ theo năm học thiết kế và được kết cấu riêng như một phần (hay toàn phần) của môn học hoặc được kết cấu dưới dạng tổ hợp từ nhiều môn học. Mỗi học phần có một mã học phần riêng do Trường quy định.

2. Có hai loại học phần: học phần bắt buộc và học phần tự chọn.

a) Học phần bắt buộc: là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức chính yếu của mỗi chương trình và bắt buộc sinh viên phải tích lũy;

b) Học phần tự chọn là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức cần thiết, nhưng sinh viên được tự chọn theo hướng dẫn của Trường nhằm đa dạng hoá hướng chuyên môn hoặc tự chọn tuỳ ý để tích lũy đủ số học phần quy định của mỗi chương trình.

3. Tín chỉ được sử dụng để tính khối lượng học tập của sinh viên. Một tín chỉ được quy định bằng 15 giờ học lý thuyết; 30 - 45 giờ thực hành, thí nghiệm hoặc thảo luận; 45 - 90 giờ thực tập tại cơ sở; 45 - 60 giờ làm tiểu luận, bài tập lớn hoặc đồ án, khoá luận tốt nghiệp hoặc chuyên đề thực tập.

Đối với những học phần lý thuyết hoặc thực hành, thí nghiệm; để tiếp thu được 01 tín chỉ, sinh viên phải dành ít nhất 30 giờ chuẩn bị và tự học.

4. Thời gian hoạt động giảng dạy của Trường từ 7 giờ đến 21 giờ hàng ngày. Tuỳ theo tình hình thực tế năm học, Hiệu trưởng quy định cụ thể thời gian hoạt động giảng dạy của Trường.

5. Một giờ tín chỉ được tính bằng 50 phút học tập, được bố trí linh hoạt theo thời khóa biểu học kỳ, bảo đảm thời gian giảng dạy của mỗi học phần.

Điều 4. Đánh giá kết quả học tập

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ, năm học, khóa học qua các tiêu chí sau:

1. Số tín chỉ của các học phần mà sinh viên đăng ký học (gọi tắt là khối lượng học tập đăng ký).

2. Điểm trung bình chung học kỳ, năm học là điểm trung bình có trọng số của các học phần mà sinh viên đăng ký học trong học kỳ, năm học đó, với trọng số là số tín chỉ tương ứng của từng học phần.

3. Khối lượng kiến thức tích lũy là tổng số tín chỉ của những học phần đã được đánh giá loại đạt tính từ đầu khóa học.

4. Điểm trung bình chung tích lũy là điểm trung bình của các học phần mà sinh viên đã tích lũy được, tính từ đầu khóa học.

Chương II TỔ CHỨC ĐÀO TẠO

Điều 5. Thời gian và kế hoạch đào tạo

1. Trường tổ chức đào tạo theo khóa học, năm học và học kỳ.

a) Khóa học là thời gian được thiết kế để sinh viên hoàn thành một chương trình cụ thể; thời gian khóa học là 4 năm.

b) Một năm học có hai học kỳ chính và một kỳ học phụ. Mỗi học kỳ phụ có ít nhất 5 tuần thực học và 1 tuần thi. Thời gian giảng dạy, học tập và thi cụ thể của từng học kỳ do Hiệu trưởng quy định.

c) Căn cứ vào kế hoạch giảng dạy trong chương trình đã được phê duyệt, Phòng Quản lý đào tạo xác định khối lượng giảng dạy từng học kỳ, năm học; xây dựng thời khóa biểu học kỳ và thông báo tới các đơn vị, giảng viên, sinh viên trong toàn trường ít nhất 02 tuần trước học kỳ.

2. Thời gian tối đa hoàn thành chương trình là 6 năm. Các đối tượng được hưởng chính sách ưu tiên theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy không bị hạn chế về thời gian tối đa để hoàn thành chương trình.

Điều 6. Nhập học và xếp sinh viên vào học các chương trình hoặc ngành đào tạo

1. Sinh viên nhập học phải nộp đầy đủ giấy tờ theo quy định của Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy hiện hành và theo quy định của Trường.

2. Sau khi hoàn thành thủ tục nhập học, sinh viên được nhà trường cấp Thẻ sinh viên và cung cấp thông tin về mục tiêu, nội dung và kế hoạch học tập của các chương trình, quy chế, quy định đào tạo, nghĩa vụ và quyền lợi của sinh viên.

3. Sinh viên trúng tuyển vào chương trình hoặc ngành đào tạo trong kỳ tuyển sinh được Trường xếp vào học các chương trình hoặc ngành đào tạo đã đăng ký.

Điều 7. Tổ chức lớp học

1. Lớp sinh viên: là lớp được tổ chức cho sinh viên cùng khoá học, cùng chương trình hoặc ngành đào tạo. Mỗi lớp sinh viên có 01 lớp trưởng và 01 lớp phó được nhà trường chỉ định hoặc do tập thể sinh viên lớp bầu chọn.

2. Lớp học phần: là lớp được tổ chức cho sinh viên đăng ký học cùng một học phần theo thời khóa biểu học kỳ. Tùy theo đặc điểm từng học phần, số sinh viên tối thiểu của mỗi lớp học phần được quy định như sau:

- Học phần ngoại ngữ và thực hành: 20 sinh viên/lớp;
- Học phần lý thuyết: 40 sinh viên/lớp.

Nếu số lượng sinh viên đăng ký dưới mức tối thiểu, thì lớp học phần sẽ bị hủy.

3. Giảng viên giảng dạy công bố Đề cương chi tiết học phần và các quy định khác liên quan, chỉ định 01 lớp trưởng và 01 lớp phó cho mỗi lớp học phần ngay trong buổi học đầu tiên của học kỳ.

Điều 8. Đăng ký khối lượng học tập và rút bớt học phần đã đăng ký

1. Khối lượng học tập mà sinh viên phải đăng ký quy định như sau:

- a) Học kỳ chính: tối thiểu 12 tín chỉ và tối đa 25 tín chỉ;
- b) Học kỳ phụ: tối đa 12 tín chỉ và không quy định mức tối thiểu.

2. Khối lượng học tập tối thiểu từng học kỳ không áp dụng đối với một trong các trường hợp sau:

- a) Tổng số tín chỉ chưa tích lũy ít hơn khối lượng học tập tối thiểu;
- b) Không có lớp học phần mà sinh viên muốn đăng ký học.

3. Thời gian đăng ký học: nhà trường sẽ thông báo chi tiết phương thức, hình thức và tổ chức cho sinh viên đăng ký học muộn nhất 2 tuần trước thời điểm bắt đầu học kỳ.

4. Phương thức đăng ký:

a) Đăng ký mặc định: căn cứ vào kế hoạch dự kiến trong chương trình đào tạo, nhà trường đăng ký mặc định một hoặc một số học phần bắt buộc cho sinh viên; sinh viên tự kiểm tra và điều chỉnh theo thông báo của Trường.

b) Sinh viên tự đăng ký: sinh viên dùng tài khoản cá nhân của mình tự đăng ký qua mạng internet hoặc đăng ký bằng phiếu hoặc kết hợp hai hình thức này.

5. Rút bớt học phần đã đăng ký:

Việc rút bớt học phần trong khối lượng học tập đã đăng ký được thực hiện trong 3 tuần kể từ đầu học kỳ chính, trong 2 tuần kể từ đầu học kỳ phụ. Tùy theo điều kiện cụ thể mỗi học kỳ, nhà trường quy định thời gian cụ thể để sinh viên được rút bớt học phần. Ngoài thời hạn quy định, học phần vẫn được giữ nguyên và nếu sinh viên không đi học học phần này sẽ được xem như tự ý bỏ học, sinh viên phải nhận điểm F và bị tính 100% học phí của học phần bỏ học.

Điều 9. Học lại và học cải thiện điểm

1. Sinh viên có học phần bị điểm F phải đăng ký học lại học phần đó hoặc học phần tương đương ở một trong các học kỳ tiếp theo cho đến khi đạt điểm D trở lên.

2. Ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 của Điều này, sinh viên được quyền đăng ký học lại hoặc học đổi sang học phần khác đối với các học phần đạt điểm D+ hoặc D để cải thiện điểm trung bình chung tích lũy. Khi đăng ký học cải thiện điểm, sinh viên được bảo lưu điểm đánh giá bộ phận (điểm chuyên cần và điểm kiểm tra) và được lấy điểm cao nhất trong các lần thi và phải nộp học phí của học phần học lại theo mức học phí hiện hành.

3. Hình thức học lại: (1) như đăng ký học lần đầu; (2) học lớp riêng; (3) học lớp ghép; (4) học trực tuyến (online) theo thông báo cụ thể của nhà trường.

Điều 10. Nghỉ ốm và nghỉ học tạm thời

1. Sinh viên xin nghỉ ốm trong quá trình học, phải viết đơn xin phép gửi Trường Khoa, Viện Trưởng, Giám đốc Trung tâm (gọi tắt là Trường khoa) trong vòng một tuần kể từ ngày ốm, kèm theo giấy chứng nhận của cơ quan y tế trường hoặc y tế địa phương hoặc của bệnh viện.

2. Nghỉ học tạm thời (ngừng học):

Sinh viên được quyền viết đơn gửi Hiệu trưởng (qua phòng Quản lý đào tạo) xin nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả đã học trong các trường hợp sau:

a) Được điều động vào các lực lượng vũ trang;

b) Bị ốm hoặc tai nạn phải điều trị thời gian dài, nhưng phải có giấy xác nhận của cơ quan y tế cấp huyện và tương đương.

c) Vì nhu cầu cá nhân. Trường hợp này, sinh viên phải học ít nhất một học kỳ ở trường, không rơi vào các trường hợp bị buộc thôi học quy định tại Điều 12 của Quy chế này và phải đạt điểm trung bình chung tích lũy không dưới 2,00. Thời gian nghỉ học tạm

thời vì nhu cầu cá nhân được tính vào thời gian học chính thức quy định tại khoản 2 Điều 5 của Quy chế này.

3. Sinh viên nghỉ học tạm thời, khi muốn trở lại học tiếp tại trường, phải viết đơn gửi Hiệu trưởng ít nhất một tuần trước khi bắt đầu học kỳ mới.

Điều 11. Xếp hạng năm đào tạo và học lực

1. Sau mỗi học kỳ, căn cứ vào khối lượng kiến thức tích lũy, sinh viên được xếp hạng năm đào tạo như sau:

- a) Sinh viên năm thứ nhất: Nếu khối lượng kiến thức tích lũy dưới 30 tín chỉ;
- b) Sinh viên năm thứ hai: Nếu khối lượng kiến thức tích lũy từ 30 tín chỉ đến dưới 60 tín chỉ;
- c) Sinh viên năm thứ ba: Nếu khối lượng kiến thức tích lũy từ 60 tín chỉ đến dưới 90 tín chỉ;
- d) Sinh viên năm thứ tư: Nếu khối lượng kiến thức tích lũy từ 90 tín chỉ trở lên;

2. Sau mỗi học kỳ, căn cứ vào điểm trung bình chung tích lũy, sinh viên được xếp hạng về học lực như sau:

- a) Hạng bình thường: Nếu điểm trung bình chung tích lũy đạt từ 2,00 trở lên;
- b) Hạng yếu: Nếu điểm trung bình chung tích lũy đạt dưới 2,00, nhưng chưa rơi vào trường hợp bị buộc thôi học; sinh viên xếp hạng yếu, nhà trường sẽ cảnh báo đến sinh viên và gia đình

Điều 12. Cảnh báo kết quả học tập, buộc thôi học

1. Cảnh báo kết quả học tập được thực hiện theo từng học kỳ và dựa trên các điều kiện sau:

- a) Điểm trung bình chung học kỳ đạt dưới 0,80 đối với học kỳ đầu của khóa học, dưới 1,00 đối với các học kỳ tiếp theo;
- b) Điểm trung bình chung tích lũy đạt dưới 1,20 đối với sinh viên năm thứ nhất, dưới 1,40 đối với sinh viên năm thứ hai, dưới 1,60 đối với sinh viên năm thứ ba hoặc dưới 1,80 đối với sinh viên các năm tiếp theo và cuối khoá;
- c) Tổng số tín chỉ của các học phần bị điểm F còn tồn đọng tính từ đầu khóa học đến thời điểm xét vượt quá 24 tín chỉ.

Sinh viên sẽ bị cảnh báo học tập nếu rơi vào hai trong ba điều kiện trên trong học kỳ được xét.

2. Sau mỗi học kỳ, sinh viên bị buộc thôi học nếu rơi vào một trong các trường hợp sau:

- a) Có số lần cảnh báo kết quả học tập vượt quá 04 lần;
- b) Vượt quá thời gian tối đa được phép học tại trường quy định tại khoản 2 Điều 5 của Quy định này;
- c) Bị kỷ luật lần thứ hai vì lý do thi hộ hoặc nhờ người thi hộ theo quy định tại khoản 2 Điều 25 của Quy định này.

3. Sinh viên thuộc diện bị buộc thôi học quy định tại các điểm a,b khoản 2 của Điều này, được quyền xin xét chuyển sang (tại trường hoặc đến trường khác) chương trình đào tạo trình độ thấp hơn hoặc chương trình giáo dục thường xuyên và được bảo lưu các học phần đã tích lũy. Trong vòng 1 tháng kể từ ngày có quyết định buộc thôi học, nhà trường thông báo trả về địa phương nơi sinh viên có hộ khẩu thường trú.

Điều 13. Học cùng lúc hai chương trình

1. Học cùng lúc hai chương trình dành cho sinh viên có đủ điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều này và có nhu cầu đăng ký học thêm một chương trình thứ hai để khi tốt nghiệp được cấp hai văn bằng.

2. Điều kiện để học cùng lúc hai chương trình:

a) Ngành đào tạo chính ở chương trình thứ hai phải khác ngành đào tạo chính ở chương trình thứ nhất;

b) Sau khi đã kết thúc học kỳ thứ nhất năm học đầu tiên của chương trình thứ nhất và sinh viên không thuộc diện xếp hạng học lực yếu;

c) Trong quá trình sinh viên học cùng lúc hai chương trình, nếu điểm trung bình chung học kỳ đạt dưới 2,00 thì phải dừng học thêm chương trình thứ hai ở học kỳ tiếp theo.

3. Thời gian tối đa được phép học đối với sinh viên học cùng lúc hai chương trình là thời gian tối đa quy định cho chương trình thứ nhất, quy định tại khoản 2 Điều 5 của Quy định này. Khi học chương trình thứ hai, sinh viên được bảo lưu điểm của những học phần có nội dung và khối lượng kiến thức tương đương có trong chương trình thứ nhất.

4. Sinh viên chỉ được xét tốt nghiệp chương trình thứ hai, nếu đã có đủ điều kiện tốt nghiệp ở chương trình thứ nhất.

Điều 14. Chuyển trường

1. Sinh viên được xét chuyển trường nếu có các điều kiện sau đây:

a) Trong thời gian học tập, nếu gia đình chuyển nơi cư trú hoặc sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, cần thiết phải chuyển đến trường gần nơi cư trú của gia đình để thuận lợi trong học tập;

b) Xin chuyển đến trường có cùng ngành hoặc thuộc cùng nhóm ngành với ngành đào tạo mà sinh viên đang học;

c) Được sự đồng ý của Hiệu trưởng trường xin chuyển đi và trường xin chuyển đến;

d) Không thuộc một trong các trường hợp không được phép chuyển trường quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Sinh viên không được phép chuyển trường trong các trường hợp sau:

a) Sinh viên đã tham dự kỳ thi tuyển sinh theo đề thi chung hoặc xét tuyển chung nhưng không trúng tuyển vào chương trình hoặc ngành đào tạo của trường hoặc có kết quả thi/xét tuyển thấp hơn điểm trúng tuyển vào chương trình hoặc ngành đào tạo của trường xin chuyển đến;

b) Sinh viên thuộc diện nằm ngoài vùng tuyển quy định của trường xin chuyển đến;

- c) Sinh viên năm thứ nhất và năm cuối khóa;
- d) Sinh viên đang trong thời gian bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên.

3. Thủ tục chuyển trường:

a) Sinh viên xin chuyển trường phải làm hồ sơ xin chuyển trường theo quy định của nhà trường;

b) Hiệu trưởng trường có sinh viên xin chuyển đến quyết định tiếp nhận hoặc không tiếp nhận; quyết định việc học tập tiếp tục của sinh viên, công nhận các học phần mà sinh viên chuyển đến được chuyển đổi kết quả và số học phần phải học bổ sung, trên cơ sở so sánh chương trình ở trường sinh viên xin chuyển đi và trường xin chuyển đến.

Chương III

KIỂM TRA VÀ THI HỌC PHẦN

Điều 15. Đánh giá học phần

1. Đối với các học phần chỉ có lý thuyết hoặc có cả lý thuyết và thực hành: Tùy theo tính chất của học phần, điểm tổng hợp đánh giá học phần (sau đây gọi tắt là điểm học phần) được tính căn cứ vào một phần hoặc tất cả các điểm đánh giá bộ phận, bao gồm:

- Điểm chuyên cần có trọng số 10% đánh giá nhận thức, thái độ và tính chuyên cần trong quá trình học của sinh viên.

- Điểm kiểm tra có trọng số 20% hoặc 30% hoặc 40%, mỗi học phần có từ 01 đến 02 lần kiểm tra trong học kỳ.

- Điểm thi kết thúc học phần có trọng số không dưới 50%.

Việc lựa chọn các hình thức đánh giá bộ phận và trọng số của các điểm đánh giá bộ phận, cũng như cách tính điểm tổng hợp đánh giá học phần do Bộ môn đề xuất và Hiệu trưởng phê duyệt trong Đề cương chi tiết học phần.

2. Đối với học phần thực hành: Sinh viên phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của điểm các bài thực hành trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.

3. Giảng viên giảng dạy trực tiếp chấm điểm chuyên cần, ra đề và chấm bài kiểm tra và công bố điểm công khai với lớp trong buổi học cuối cùng của học phần.

4. Trường hợp học phần được tổ chức giảng dạy theo mô hình Lý thuyết - Thảo luận, thực hiện theo quy định riêng của Nhà trường.

Điều 16. Tổ chức kỳ thi kết thúc học phần

1. Cuối mỗi học kỳ, Trường tổ chức một kỳ thi kết thúc học phần. Trường hợp đặc biệt do Hiệu trưởng quyết định.

2. Sinh viên được dự thi kết thúc học phần khi có đủ các điều kiện sau:

- Điểm chuyên cần đạt từ 5 điểm trở lên;

- Hoàn thành nghĩa vụ học phí theo quy định;

- Đáp ứng các điều kiện khác được ghi trong Đề cương chi tiết học phần.

3. Thời gian dành cho ôn thi các học phần tỷ lệ thuận với tổng số tín chỉ của các học phần đó, ít nhất là 2/3 ngày cho một tín chỉ.

Điều 17. Ra đề thi, hình thức thi, chấm thi và số lần được dự thi kết thúc học phần

1. Đề thi kết thúc học phần phải phù hợp với nội dung học phần đã quy định trong chương trình. Việc ra đề thi hoặc lấy từ ngân hàng câu hỏi thi (hoặc ngân hàng đề thi) được thực hiện theo quy định của Hiệu trưởng.

2. Hình thức thi kết thúc học phần có thể là thi viết (trắc nghiệm hoặc tự luận), thi trên máy tính, thi vấn đáp, viết tiểu luận, làm bài tập lớn, hoặc kết hợp giữa các hình thức trên. Hiệu trưởng duyệt các hình thức thi thích hợp cho từng học phần do Trường Bộ môn đề xuất.

3. Việc chấm thi kết thúc học phần phải do hai giảng viên đảm nhiệm.

4. Thi vấn đáp kết thúc học phần phải do hai giảng viên thực hiện. Điểm thi vấn đáp được công bố công khai sau mỗi buổi thi. Trong trường hợp hai giảng viên chấm thi không thống nhất được điểm chấm thi các giảng viên chấm thi trình Trường bộ môn quyết định.

5. Các điểm thi kết thúc học phần và điểm học phần phải ghi vào bảng điểm theo mẫu thống nhất của trường, có chữ ký của Trường Bộ môn và hai giảng viên chấm thi và lưu 01 bản sao tại Bộ môn, gửi bản gốc về Phòng Quản lý đào tạo chậm nhất một tuần sau khi kết thúc chấm thi học phần.

6. Sinh viên vắng mặt trong kỳ thi kết thúc học phần, nếu không có lý do chính đáng coi như đã dự thi một lần và phải nhận điểm 0. Sinh viên vắng mặt có lý do chính đáng nếu được Trường phòng Quản lý đào tạo cho phép, được dự thi bù 01 lần tại các kỳ thi kết thúc học phần ở các học kỳ sau.

Điều 18. Cách tính điểm đánh giá bộ phận, điểm học phần

1. Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10, trong đó điểm chuyên cần lấy điểm nguyên, điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần làm tròn đến 0,5 điểm.

2. Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ và chuyển sang thang điểm 4, như sau:

a) Loại đạt:

TT	Thang điểm 10	Thang điểm chữ	Thang điểm 4
1	Từ 9,0 đến 10	A+	4,0
2	Từ 8,5 đến 8,9	A	4,0
3	Từ 8,0 đến 8,4	B+	3,5
4	Từ 7,0 đến 7,9	B	3,0
5	Từ 6,5 đến 6,9	C+	2,5
6	Từ 5,5 đến 6,4	C	2,0
7	Từ 5,0 đến 5,4	D+	1,5
8	Từ 4,5 đến 4,9	D	1,0

b) Loại không đạt:

TT	Thang điểm 10	Thang điểm chữ	Thang điểm 4
1	Dưới 4,5	F	0,0

Điều 19. Tổ chức tính điểm và nhập điểm học phần

1. Trưởng Bộ môn chịu trách nhiệm về tính điểm và tổ chức nhập điểm học phần vào mạng quản lý đào tạo.

2. Điểm học phần được tính và ký hiệu tại khoản 2 Điều 18 của Quy định này.

3. Đối với những học phần chưa đủ cơ sở để đưa vào tính điểm trung bình chung học kỳ, khi xếp mức đánh giá được sử dụng các ký hiệu sau:

I: Chưa đủ dữ liệu đánh giá.

X: Chưa nhận được kết quả thi.

4. Đối với những học phần được Nhà trường công nhận chuyển đổi kết quả hoặc cho phép bảo lưu kết quả, khi xếp mức đánh giá được sử dụng ký hiệu R viết kèm với kết quả.

5. Việc xếp loại ở mức điểm F ngoài những trường hợp như đã nêu ở khoản 2 Điều này, còn áp dụng cho trường hợp sinh viên không đủ điều kiện thi học phần hoặc vi phạm nội quy thi, bị xử lý ở mức đình chỉ.

6. Việc xếp loại theo mức điểm I được áp dụng cho các trường hợp sau đây:

a) Trong thời gian học hoặc trong thời gian thi kết thúc học kỳ, sinh viên bị ốm hoặc tai nạn không thể dự kiểm tra hoặc thi, nhưng phải được Trường cho phép;

b) Sinh viên nhận mức điểm I phải trả xong các nội dung kiểm tra bộ phận còn nợ để được chuyển điểm ngay ở kỳ thi học phần kế tiếp. Trường hợp sinh viên chưa trả nợ và chưa được bảo lưu kết quả nhưng không rơi vào trường hợp bị buộc thôi học thì vẫn được học tiếp ở các học kỳ kế tiếp.

7. Việc xếp loại theo mức điểm X được áp dụng đối với những học phần mà sinh viên đã đăng ký học, Trường đã tổ chức thi học phần nhưng chưa nhận được kết quả học tập.

8. Ký hiệu R được áp dụng cho các trường hợp sinh viên được chuyển đổi kết quả hoặc được bảo lưu kết quả học phần.

Điều 20. Khiếu nại điểm và xem lại kết quả bài thi học phần

1. Đối với điểm chuyên cần và điểm kiểm tra học phần sinh viên khiếu nại trực tiếp với giảng viên giảng dạy học phần.

2. Đối với điểm thi kết thúc học phần, sinh viên có thể đề nghị xem lại kết quả bài thi học phần theo quy định của Trường.

3. Đối với điểm thông báo trên mạng quản lý đào tạo, sinh viên đề nghị Phòng Quản lý đào tạo kiểm tra đối chiếu với bảng điểm gốc trong thời gian không quá 6 tháng kể từ ngày thi.

Điều 21. Cách tính điểm trung bình chung

1. Để tính điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy, mức điểm chữ của mỗi học phần phải được quy đổi qua điểm số thang điểm 4 như khoản 2 Điều 18 của Quy định này.

2. Điểm trung bình chung học kỳ, năm học và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức sau và được làm tròn đến hai chữ số thập phân:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^n a_i \times n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$$

Trong đó:

A là điểm trung bình chung học kỳ hoặc điểm trung bình chung tích lũy;

a_i là điểm của học phần thứ i , theo thang điểm 4;

n_i là số tín chỉ của học phần thứ i ;

n là tổng số học phần.

Chương IV

XÉT VÀ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

Điều 22. Thực tập cuối khoá, làm đồ án hoặc viết chuyên đề thực tập tốt nghiệp

Sinh viên đăng ký thực tập, viết chuyên đề thực tập tốt nghiệp hoặc làm đồ án tốt nghiệp, phù hợp với chương trình đào tạo theo quy định của Trường.

Điều 23. Điều kiện xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp

1. Sinh viên được Trường xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;

b) Tích lũy đủ số học phần, khối lượng và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;

c) Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt điểm từ 2,00 trở lên;

d) Có chứng chỉ giáo dục quốc phòng - an ninh và hoàn thành học phần giáo dục thể chất;

đ) Hoàn thành tuần sinh hoạt công dân, đánh giá kết quả rèn luyện người học và nghĩa vụ học phí, lệ phí theo quy định của Trường;

e) Có đơn đề nghị gửi nhà trường được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khoá học.

2. Hàng năm, Trường tổ chức xét tốt nghiệp 03 đợt vào tháng 3, 6 và 10 cho các sinh viên đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp.

Hội đồng xét tốt nghiệp cấp cơ sở do Trưởng Khoa hoặc Phó Trưởng Khoa được ủy quyền làm chủ tịch, trợ lý đào tạo làm thư ký và các thành viên là các Phó Trưởng Khoa, Trưởng Bộ môn. Hội đồng xét tốt nghiệp cấp Trường do Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng

được ủy quyền làm Chủ tịch, Phó Hiệu trưởng làm Phó Chủ tịch; Trưởng phòng Quản lý đào tạo làm Ủy viên thường trực; thành viên là các Trưởng Khoa, Trưởng đơn vị trực thuộc có liên quan.

3. Căn cứ đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp cấp trường, Hiệu trưởng ký quyết định công nhận tốt nghiệp cho những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp.

Điều 24. Cấp bằng tốt nghiệp, bảo lưu kết quả học tập, chuyển chương trình đào tạo và chuyển loại hình đào tạo

1. Bằng tốt nghiệp đại học được cấp theo ngành đào tạo chính (đơn ngành hoặc song ngành). Hạng tốt nghiệp được xác định theo điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học, như sau:

TT	Hạng tốt nghiệp	Điểm trung bình chung tích lũy (thang điểm 4)
1	Xuất sắc	Từ 3,60 đến 4,00
2	Giỏi	Từ 3,20 đến 3,59
3	Khá	Từ 2,50 đến 3,19
4	Trung bình khá	Từ 2,25 đến 2,49
5	Trung bình	Từ 2,00 đến 2,24

2. Hạng tốt nghiệp của những sinh viên có kết quả học tập toàn khóa loại xuất sắc và giỏi sẽ bị giảm đi một mức nếu rơi vào một trong các trường hợp sau:

- Có khối lượng học phần bị điểm F phải đăng ký học lại vượt quá 5% so với tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo;

- Đã bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên trong thời gian học.

3. Kết quả học tập của sinh viên được ghi vào bảng điểm cuối khóa theo từng học phần.

4. Nếu kết quả học tập của sinh viên thỏa mãn những quy định tại khoản 1 Điều 23 của Quy định này đối với một số chương trình đào tạo tương ứng với các ngành đào tạo khác nhau, thì sinh viên được cấp các bằng tốt nghiệp khác nhau tương ứng với các ngành đào tạo đó.

5. Sinh viên còn nợ học phần Giáo dục thể chất và nợ chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng - An ninh, nhưng đã hết thời gian tối đa được phép học, trong thời hạn 5 năm tính từ ngày phải ngừng học, được trở về trường trả nợ để có đủ điều kiện xét tốt nghiệp.

6. Sinh viên không tốt nghiệp được cấp giấy chứng nhận về các học phần đã học trong chương trình của trường. Những sinh viên này nếu có nguyện vọng, được quyền làm đơn xin chuyển qua các chương trình khác theo quy định tại khoản 3 Điều 12 của Quy định này.

7. Bằng tốt nghiệp đại học được cấp cho sinh viên sau 30 ngày kể từ ngày có quyết định công nhận tốt nghiệp. Trong thời gian chờ cấp bằng tốt nghiệp, Trường cấp Giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời cho sinh viên có nhu cầu.

Chương V **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 25. Xử lý kỷ luật đối với sinh viên vi phạm quy định về kiểm tra, thi, làm đồ án và viết chuyên đề thực tập tốt nghiệp

1. Trong khi dự kiểm tra học phần, làm tiểu luận, bài tập lớn, thi kết thúc học phần, làm đồ án, viết chuyên đề thực tập tốt nghiệp, nếu vi phạm quy chế, quy định sinh viên sẽ bị xử lý kỷ luật với từng học phần đã vi phạm theo quy định của Trường.

2. Sinh viên đi thi hộ hoặc nhờ người khác thi hộ, sẽ bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập có thời hạn đối với trường hợp vi phạm lần thứ nhất và buộc thôi học đối với trường hợp vi phạm lần thứ hai.

3. Trừ trường hợp như quy định tại khoản 2 của Điều này, mức độ sai phạm và khung xử lý kỷ luật đối với sinh viên vi phạm được thực hiện theo các quy định của Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành.

Điều 26. Chế độ lưu trữ

1. Các tài liệu liên quan đến thi học phần, xét công nhận tốt nghiệp, thôi học, nghỉ học tạm thời phải bảo quản và lưu trữ theo quy định của Luật Lưu trữ, Thông tư số 27/2016/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ GDĐT quy định thời hạn bảo quản tài liệu chuyên môn nghiệp vụ của ngành giáo dục và theo Quyết định số 2597/QĐ-ĐHKTQD ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân về quy chế công tác văn thư, lưu trữ.

2. Phòng Quản lý đào tạo có trách nhiệm:

- Lưu trữ 10 năm sau tốt nghiệp: Bảng điểm học phần (bao gồm Bảng điểm chuyên đề thực tập);

- Lưu trữ hết khóa học: Quyết định nghỉ học tạm thời; Quyết định tiếp tục học.

- Lưu trữ vĩnh viễn: Bảng điểm tổng hợp kết quả học tập khóa học (Sổ điểm tổng hợp cuối khóa); Hồ sơ xét công nhận tốt nghiệp cấp Trường; Quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng đại học; Danh sách tốt nghiệp; Quyết định thôi học;

3. Các đơn vị đào tạo (Khoa, Viện, Trung tâm) có trách nhiệm:

- Lưu trữ 3 năm sau tốt nghiệp: Chuyên đề thực tập tốt nghiệp;

- Lưu trữ vĩnh viễn: Hồ sơ xét công nhận tốt nghiệp cấp cơ sở;

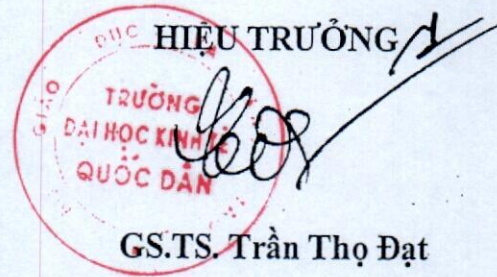
4. Các Bộ môn có trách nhiệm lưu trữ hết khóa học (4 năm) bài thi kết thúc học phần và các tài liệu liên quan đến thi hết học phần.

Điều 27. Tổ chức thực hiện

1. “Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Kinh tế quốc dân” áp dụng đối với các khóa học tuyển sinh từ năm 2019.

2. Trưởng phòng Quản lý đào tạo, Trưởng các đơn vị đào tạo, các đơn vị, cá nhân có liên quan và sinh viên đại học hệ chính quy chịu trách nhiệm thi hành quy định này.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh cần điều chỉnh, bổ sung, các đơn vị, cá nhân phản ánh về Phòng Quản lý đào tạo để tổng hợp, báo cáo, đề xuất Hiệu trưởng xem xét, quyết định.

 HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC KINH TẾ
QUỐC DÂN
GS.TS. Trần Thọ Đạt

ĐẠI HỌC KINH TẾ
QUỐC DÂN